TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 20 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự.

Bà: Khuất Thị Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến H, tên gọi khác: Không, Sinh ngày 10/10/1979; nơi sinh: Tỉnh T; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện Đ, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Thôn K , xã A, huyện Đ, tỉnh T; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Thanh H (đã chết); con bà: Nguyễn Thị V (đã chết); có vợ là Vương Thị M - Sinh năm 1976 *(đã ly hôn);* Bị cáo có 01 con là Nguyễn Thị Hoài T - Sinh năm 2001; anh, chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 26/06/2007 bị TAND huyện Đông H, tỉnh Thái Bình tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 15/12/2009 bị TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tuyên phạt 01 năm 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản *(đã được xóa án tích)*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Trần Thị Hồng M, sinh năm 1988. HKTT: đường L, tổ 17 phường M, thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: Kinh doanh, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Trần Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: Kinh doanh, vắng mặt.

+ Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường T, phường M , thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: Kinh doanh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 17/10/2020 Nguyễn Tiến H đi bộ một mình từ phòng thuê trọ đối diện Công an phường Minh Khai, thành phố Hà Giang đến quán ăn vặt của chị Trần Thị Hồng M để ăn mỳ tôm. Sau khi ăn xong, H đến quầy thanh toán để trả tiền cho chị M, nhận tiền của H xong chị M quay sang phía bên tay phải *(quay lưng về phía H)* để tiếp tục làm việc. Lúc này, H phát hiện phía bên trong bàn quầy có 01 chiếc điện thoại di động nên nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng trong lúc chị M không để ý, Nguyễn Tiến H dùng tay phải cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi đi ra khỏi quán. Sau đó, Nguyễn Tiến H đi dọc theo trục đường Lý Tự Trọng để tìm cửa hàng bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Đi được khoảng 1km, đến khu vực tổ 14, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, H vào cửa hàng sửa chữa điện thoại Xuân Hòa của anh Nguyễn Trọng Đ, tại đó H gặp chị Trần Thị T *(là vợ anh Đ)* đang đứng bán hàng. Do trước đó H có gửi sửa ở đây một chiếc Micro nên H hỏi *"chiếc Micro em mang đến sửa đã sửa được chưa"*, chị trả lời chưa sửa được và hẹn khoảng 20 hoặc 21 giờ cùng ngày đến lấy, nếu không thì mang về không sửa nữa, H không nói gì, đồng thời lấy trong túi quần ra 02 chiếc điện thoại *(một chiếc của H và một chiếc H vừa trộm cắp được)* đưa cho chị T chiếc điện thoại mà H vừa trộm cắp được và nói *"con em đang bị gãy tay nằm viện em muốn bán chiếc điện thoại của vợ để trả tiền viện phí"*. Chị T cầm điện thoại xem và hỏi *"máy này là máy gì";* H nói *"chiếc điện thoại của vợ là máy SAMSUNG NOTE10+, hàng xách tay mua lại năm triệu đồng, giờ muốn bán ba triệu đồng"*. Xem xong chị T gọi điện thoại cho chồng và trao đổi việc H muốn bán chiếc điện thoại. Sau đó T nói với H *"điện thoại là hàng xách tay thì chỉ mua giá Hai triệu năm trăm nghìn đồng, không được thì không mua nữa"*, H đồng ý bán với giá 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* và nhận tiền rời khỏi cửa hàng. H đã sử dụng tiền bán điện thoại để tiêu sài việc cá nhân, đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ thì số tiền còn lại mà H bán chiếc điện thoại trộm cắp được là 2.428.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng)*.

Sau khi mua chiếc điện thoại của H, anh Nguyễn Trọng Đ đã đăng lên mạng xã hội Facebook, trang Chợ Hà Giang để tìm khách bán lại. Ngay sau khi đăng có một nam thanh niên *(hiện không rõ tên, tuổi,địa chỉ)* đến mua lại chiếc điện thoại trên với giá là 5.000.000,đ (*Năm triệu đồng).* Khi biết chiếc điện thoại đó là tài sản do Nguyễn Tiến H trộm cắp mà có, anh Nguyễn Trọng Đ đã chủ động giao nộp số tiền 5.000.000,đ trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐGTS, ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố Hà Giang kết luận:

- Giá trị tài sản là 01chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG NOTE10+, màu bạc, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng là: 11.000.000đ *(Mười một triệu đồng)*.

- Giá trị 01 chiếc Sim Viettel điện thoại di động đã qua sử dụng, trị giá là 80.000,đ *(Tám mươi nghìn đồng)*.

Tổng tài sản bị cáo Nguyễn Tiến H đã chiếm đoạt của bị hại Trần Thị Hồng M là 11.080.000,đ *(Mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-TPHG ngày 25/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H về tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được. Bị cáo có thái độ thành khẩn, xin được HĐXX xem xét, giảm nhẹ tội để bị cáo sớm được trở về tu chí làm ăn, làm người lương thiện.

Bị hại Trần Thị Hồng M vắng mặt tại phiên toà, chị M đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt,trong đơn chị đề nghị: Yêu cầu bị cáo Nguyễn Tiến H trả cho chị giá trị chiếc điện thoại đã bị trộm cắp bằng với giá trị Hội đồng định giá đã kết luận là 11.080.000,đ *(Mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Trọng Đ, chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên toà, nH anh Đ, chị T đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt,trong đơn anh, chị đề nghị: Về tài sản mua của bị cáo anh Đ đã bán cho khách nên không tìm lại được, số tiền bán chiếc điện thoại được 5.000.000đ anh, chị đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Anh, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cũng không yêu cầu lấy lại số tiền anh, chị đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại của H và cam đoan lời khai tại cơ quan điều tra là đúng sự thực.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 17/10/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điều 47, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị: Trả lại số tiền 2.428.000,đ là tiền bị cáo H bán chiếc điện thoại trộm cắp được mà có cho bị hại Trần Thị Hồng M.

Tịch thu xung Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000,đ bán chiếc điện thoại mà bị cáo H trộm cắp được, anh Nguyễn Trọng Đ đã giao nộp và không đề nghị được trả lại.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến H những đồ vật tài sản sau vì không liên quan đến vụ án, gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu China Mobile, màu xanh đen, màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, đã qua sử dụng; 01 sim Viettel mặt trước có các số: 8984, 04800, 00450, 96461, đã qua sử dụng; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704180073422388, đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Tiến H trả lại cho bị hại Trần Thị Hồng M số tiền là 8.652.000,đ (*giá trị còn lại phải bồi thường sau khi trừ đi số tiền 2.428.000,đ đã tịch thu được của bị cáo*).

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Bị cáo Nguyễn Tiến H thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, bị cáo biết mình hành động như vậy là vi phạm pháp luật, nH vì khó khăn nhất thời bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp để có tiền tiêu sài. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Trần Thị Hồng M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng Đ, chị Nguyễn Thị T, chị M, anh Đ, chị T đều đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai tại cơ quan điều tra, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra *(BL 92 đến BL 113)* và *(BL 196-197),* phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh *(BL 07 đến BL 19);* Lời khai người bị hại *(BL 119 đến BL 123)*, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan *(BL 124 đến BL 133);* Biên bản, bản ảnh thực nghiệm điều tra (*BL số 166-176);* Kết luận định giá tài sản *(BL 82-87)*, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 17/10/2020, bị cáo Nguyễn Tiến H đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG NOTE 10+ để tại quầy thanh toán Cửa hàng ăn vặt của chị Trần Thị Hồng M. Sau khi trộm cắp được tài sản, Nguyễn Tiến H mang bán tại cửa hàng sửa chữa điện thoại Xuân Hòa của anh Nguyễn Trọng Đ, vợ là Trần Thị T được số tiền là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*. Trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 11.080.000,đ *(Mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)*. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Tiến H** đã

phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".....*

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng....."

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nH vì bản tính ham chơi, lười lao động. Để đáp ứng nhu cầu tiêu sài cá nhân bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 11.080.000,đ *(Mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)*. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận.

[5] Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị Toà án xét xử 02 lần về tội Trộm cắp tài sản. Đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng vì khó khăn nhất thời bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện bị cáo coi thường pháp luật, coi thường kỷ cương phép nước. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cũng xem xét những tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với Nguyễn Trọng Đ, vợ là Trần Thị T là người đã trực tiếp mua chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp được với giá 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, khi bán chiếc điện thoại bị cáo đã nói dối chị T là cần tiền chữa bệnh cho con nên phải bán chiếc điện thoại của vợ, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định anh Đ, chị T không biết đó là tài sản H trộm cắp được và đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra toàn bộ số tiền bán được chiếc điện thoại để phục vụ công tác điều tra. Do đó cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của chị T, anh Đ là có căn cứ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Tiến H không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[10] Về vật chứng: Đối với số tiền 2.428.000đ cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo là tiền mà bị cáo đã bán chiếc điện thoại trộm cắp được của bị hại, HĐXX xét thấy cần trả lại cho chị Trần Thị Hồng M.

[11] Đối với những đồ vật, tài sản đã thu giữ của bị cáo gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu China Mobile, màu xanh đen, màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt; 01 sim Viettel mặt trước có các số: 8984, 04800, 00450, 96461; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704180073422388, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do đó cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến H.

[12] Đối với số tiền 5.000.000đ anh Đ, chị T đã giao nộp cho cơ quan điều tra là tiền anh, chị đã bỏ ra 2.500.000đ để mua chiếc điện thoại của bị cáo và 2.500.000đ là tiền thu lời từ việc bán chiếc điện thoại, nhưng anh Đ, chị T không có yêu cầu lấy lại số tiền anh, chị đã bỏ ra mua điện thoại, do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 5.000.000đ nói trên.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của bị hại về việc yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền giá trị chiếc điện thoại đã trộm cắp bằng với giá trị mà hội đồng định giá đã định giá 11.080.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuyên trả lại cho chị M số tiền 2.428.000đ và buộc bị cáo phải bồi thường cho chị M số tiền số tiền là 8.652.000,đ *(giá trị còn lại phải bồi thường sau khi trừ đi số tiền 2.428.000,đ đã tịch thu được của bị cáo).*

[14] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, chị T không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo về việc bồi thường do đó HĐXX không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm s khoản 1Điều 51, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 13 *(Mười ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 17/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trả lại cho chị Trần Thị Hồng M số tiền 2.428.000đ *(Hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng)*; Buộc bị cáo Nguyễn Tiến H phải bồi thường cho chị M số tiền còn lại là 8.652.000,đ *(Tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng)*.

4. Về vật chứng: Thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu China Mobile, màu xanh đen, màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt; 01 sim Viettel mặt trước có các số: 8984, 04800, 00450, 96461; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704180073422388.

Tình trạng tài sản, vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Giang ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 432.000đ *(Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng)* tiền án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Tiến H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại Trần Thị Hồng M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng Đ, Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TPHG;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG (02 bản);
- Nhà tạm giữ CA TPHG;
- Chi cục THADS TPHG;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ